

Hà Nội, ngày 02/02/2018

**BẢN TIN**  
**DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC PHỤC VỤ VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**  
**CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÀ DÂN SINH**  
**Lưu vực sông Srêpôk)**  
**(Tuần từ 02/2 đến 08/2/2018)**

**I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC**

**1.1. Lượng mưa**

Trạm	Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa cộng dồn (mm)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo tình hình mưa trong tuần tới (mm)
				TB nhiều năm	Năm 2016	Năm 2015	
1	Buôn Ma Thuột	0	1.899,9	+2%	+14%	+26%	2
2	M'Đrăk	3,1	2.787,8	+33%	-13%	+51%	3
3	Ea Sôúp	0	1.795,5	+18%	+13%	+15%	2
4	Ea H'Leo	0	2.203,5	+12%	+64%	+64%	2
5	Buôn Hồ	0	1.930,3	+24%	+18%	+52%	2
6	Đức Xuyên	0	2.974,5	+58%	+69%	+132%	2
7	Giang Sơn	0	1.964,8	+6%	-6%	+32%	2
8	Bản Đôn	0	1.636,0	+5%	+10%	+76%	2
<b>Trung bình</b>		<b>0,4</b>	<b>2.149,0</b>	<b>+15,8%</b>	<b>+21,1%</b>	<b>+56,0%</b>	<b>2,1</b>

**Nhận xét:** Lượng mưa trung bình các trạm trong tuần trước là 0,4 mm; Lượng mưa cộng dồn các trạm đo mưa chính trên địa bàn lớn hơn trung bình nhiều năm +15,8% và lớn hơn năm hạn nặng 2016 là 21,1%, lượng mưa dự báo trong giai đoạn tiếp theo là khoảng 2,1 mm.

**1.2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện**

**a) Nguồn nước trữ các hồ chứa thủy lợi**

TT	Tên công trình	Dung tích trữ thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )	W trữ hiện tại so với W <sub>tk</sub> (%)	So sánh với cùng kỳ (%)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2016	2015		
1	Hồ Hoàng Ân	6,80	100%	120%	147%	115%	Giảm	75%
2	Hồ TT ChuPrông	4,13	100%	101%	104%	96%	Giảm	81%
3	Hồ Plepai-Ialôp	16,98	69%	95%	96%	95%	Giảm	60%
4	Hồ Ia Glei	3,60	50%	43%	44%	43%	Giảm	36%
5	Hồ Đrao I	2,22	100%	108%	108%	113%	Giảm	78%
6	Hồ Buôn Jong	17,34	109%	102%	104%	103%	Giảm	67%
7	Ea Kao	17,76	94%	114%	156%	118%	Giảm	70%
8	Hồ Ea Chur Kăp hạ	11,20	99%	98%	100%	96%	Giảm	67%
9	Hồ Buôn Triết	25,00	95%	98%	104%	100%	Giảm	58%

TT	Tên công trình	Dung tích trữ thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )	W trữ hiện tại so với W <sub>tk</sub> (%)	So sánh với cùng kỳ (%)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2016	2015		
10	Hồ Ea Kuăng	5,50	100%	112%	120%	119%	Giảm	72%
11	Hồ Vụ Bôn	5,04	111%	156%	245%	245%	Giảm	89%
12	Hồ Krông Buk hạ	109,34	101%	102%	101%	103%	Giảm	71%
13	Hồ Yang Reh	5,46	92%	94%	96%	98%	Giảm	56%
14	Hệ thống hồ Ea Soup	156,19	92%	111%	130%	115%	Giảm	72%
15	Hồ Ea Kar	11,50	100%	106%	117%	109%	Giảm	61%
16	Hồ Trung Tâm	1,22	107%	106%	105%	113%	Giảm	10%
17	Hồ Ea Rót	18,53	99%	106%	106%	107%	Giảm	71%
18	Hồ Đăk Đ'rong	4,22	70%	124%	133%	128%	Giảm	0%
19	Hồ Trúc Sơn	0,93	78%	82%	90%	79%	Giảm	0%
20	Hồ Đăk Diêr	5,92	82%	77%	88%	88%	Giảm	3%
21	Hồ Đăk Săk	7,52	98%	111%	113%	113%	Giảm	41%
22	Hồ Đăk Nang	2,76	98%	98%	97%	100%	Giảm	45%
23	Hồ công ty 847	1,11	92%	149%	361%	93%	Giảm	44%
24	Hồ Tây	3,33	85%	93%	88%	100%	Giảm	60%
25	Hồ Đăk Goun thượng	1,02	49%	49%	46%	50%	Giảm	2%
26	Hồ Đăk N'der 2	0,49	94%	92%	94%	100%	Giảm	58%
27	Hồ Đô Ry 2	1,32	86%	154%	154%	153%	Giảm	46%
28	Hồ Buôn R'cập	0,52	116%	114%	128%	100%	Giảm	43%
<b>Tổng cộng</b>		<b>446,93</b>	<b>92%</b>	<b>104%</b>	<b>121%</b>	<b>107%</b>	<b>Giảm</b>	

**Nhận xét:** Dung tích trữ trong các hồ chứa đều đầy hoặc xấp xỉ đầy hồ, tương đương 104% so với trung bình nhiều năm và tương đương 121% so với năm hạn nặng 2016.

**b) Nguồn nước trữ tại các hồ chứa thủy điện tham gia bổ sung nước cho hạ du**

TT	Tên công trình	Dung tích trữ thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )	Dung tích trữ hiện tại (triệu m <sup>3</sup> )	So sánh với cùng kỳ (%)			Dự báo lượng nước đến hồ (triệu m <sup>3</sup> )	Lượng nước bổ sung cho hạ du (triệu m <sup>3</sup> )
				TBNN	Năm 2016	Năm 2015		
1	Buôn Tua Srah	522,60	464,54	111%	114%	106%	28,09	57,73
2	Buôn Kuop	14,70	8,04	166%	296%	290%	96,21	87,91
3	Srêpôk 3	62,85	32,46	73%	136%	60%	99,66	106,17
<b>Trung bình</b>		<b>200,05</b>	<b>168,34667</b>	<b>116,65%</b>	<b>182,05%</b>	<b>152,3%</b>	<b>223,96</b>	<b>251,81</b>

**Nhận xét:** - So với dung tích thiết kế thì hồ thủy điện Buôn Tua Srah đạt 89%, hồ Thủy điện Buôn Kuop đạt 55%, hồ Srêpôk 3 đạt 52% dung tích hồ.

- Dự báo tổng lượng nước đến các hồ thủy điện là 223,96 triệu m<sup>3</sup>, tổng lượng xả qua các nhà máy thủy điện bổ sung nước cho hạ du khoảng 251,81 triệu m<sup>3</sup>.

## II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HẠN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

### 2.1. Khả năng cấp nước của công trình thủy lợi

- Trong lưu vực sông Srêpôk có 28 công trình vừa và lớn được đưa vào tính toán cân bằng nước với tổng dung tích thiết kế các hồ 447 triệu m<sup>3</sup>, trong đó tổng dung tích hữu ích thiết kế 394 triệu m<sup>3</sup>. Hiện nay các hồ vẫn xấp xỉ MNDBT, chỉ có một số ít hồ cạn nước, tổng dung tích hữu ích của các hồ hiện nay 371 triệu m<sup>3</sup>, trong khi tổng nhu cầu nước từ nay đến cuối vụ đông xuân chỉ 126 triệu m<sup>3</sup> nên về nguồn nước có trong các hồ cơ bản đáp ứng nhu cầu cấp nước.

- Có 5/28 công trình (Hồ Trung Tâm, hồ Đắc Đ'ông, hồ Trúc Sơn, hồ Đắc Diêr, hồ Đắc Goun thượng) nguồn nước bị thiếu do bố trí diện tích cây trồng quá lớn so với dung tích hiệu dụng nên trong vụ Đông xuân cần thiết phải tưới tiết kiệm để đảm bảo nhu cầu nước tối thiểu của cây trồng.

TT	Tên công trình	Dung tích so với thiết kế (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Đông Xuân 2017-2018			Ghi chú
				Dung tích dự báo so với TK	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
1	Hồ Hoàng Ân	100%	703	100%	100%	703	Đủ nước
2	Hồ TT ChưPrông	100%	287	100%	100%	287	Đủ nước
3	Hồ Plepai-Ialóp	69%	293	100%	100%	293	Đủ nước
4	Hồ Ia Glei	50%	209	100%	100%	209	Đủ nước
5	Hồ Đrao I	100%	176	100%	100%	176	Đủ nước
6	Hồ Buôn Jong	109%	2391	100%	100%	2.391	Đủ nước
7	Ea Kao	94%	968	100%	100%	968	Đủ nước
8	Hồ Ea Chur Kấp hạ	99%	1396	100%	100%	1.396	Đủ nước
9	Hồ Buôn Triết	95%	1492	100%	100%	1.492	Đủ nước
10	Hồ Ea Kuăng	100%	637	100%	100%	637	Đủ nước
11	Hồ Vụ Bôn	111%	249	100%	100%	249	Đủ nước
12	Hồ Krông Buk hạ	101%	7415	100%	100%	7.415	Đủ nước
13	Hồ Yang Reh	92%	316	100%	100%	316	Đủ nước
14	Hệ thống hồ Ea Soup	92%	5247	100%	100%	5.247	Đủ nước
15	Hồ Ea Kar	100%	1180	100%	100%	1.180	Đủ nước
16	Hồ Trung Tâm	107%	487	100%	100%	487	Đủ nước
17	Hồ Ea Rót	99%	2150	100%	100%	2.150	Đủ nước
18	Hồ Đắc Đ'ông	70%	497	100%	82%	409	Thiếu nước
19	Hồ Trúc Sơn	78%	296	100%	87%	258	Thiếu nước
20	Hồ Đắc Diêr	82%	1257	100%	95%	1.192	Thiếu nước
21	Hồ Đắc Sắk	98%	1169	100%	100%	1.169	Đủ nước
22	Hồ Đắc Nang	98%	244	100%	100%	244	Đủ nước
23	Hồ công ty 847	92%	222	100%	100%	222	Đủ nước
24	Hồ Tây	85%	357	100%	100%	357	Đủ nước
25	Hồ Đắc Goun thượng	49%	166	100%	98%	164	Thiếu nước
26	Hồ Đắc N' der 2	94%	81	100%	100%	81	Đủ nước
27	Hồ Đô Ry 2	86%	244	100%	100%	244	Đủ nước
28	Hồ Buôn R' cập	116%	159	100%	100%	159	Đủ nước
<b>Tổng cộng</b>		<b>92%</b>					

## 2.2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Bảng tổng hợp thông tin nguồn nước và nhu cầu nước vùng nằm ngoài công trình thủy lợi theo kịch bản kiến nghị tính toán.

TT	Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (+/-%)			Khuyến cáo
				Năm Min	Năm TB	Năm Max	
1	Buôn Ma Thuột	Cư M'Gar, Buôn Ma Thuột	1.902	+53%	+3%	-28%	Rủi ro hạn thấp
2	M'Đrắk	M'Đrắk	2.791	+205%	+33%	-34%	Rủi ro hạn thấp
3	Ea Súp	Huyện Ea Soup	1.797	+97%	+18%	-19%	Rủi ro hạn thấp
4	Ea H'Leo	Ea Hleo, Chư Sê	2.206	+91%	12%	-29%	Rủi ro hạn thấp
5	Buôn Hồ	Krông Buk, Buôn Hồ, Krông Păk	1.932	+85%	+11%	-23%	Rủi ro hạn thấp
6	Đức Xuyên	Lắk, Krông Nô	2.976	+132%	+58%	24%	Rủi ro hạn thấp
7	Giang Sơn	Krông Bông, Krông Kuin	1.967	+84%	+6%	-20%	Rủi ro hạn thấp
8	Bản Đôn	Buôn Đôn	1.638	+76%	+6%	-24%	Rủi ro hạn thấp
		<b>Trung bình</b>		<b>+103%</b>	<b>+18%</b>	<b>-19%</b>	<b>Rủi ro hạn thấp</b>

**Nhận xét:** Nguồn nước trong vùng cao hơn cùng kỳ trung bình nhiều năm là 18% và lớn hơn 103% so với năm mưa thấp nhất, như vậy rủi ro hạn hán thiếu nước trong vùng là thấp.

## 2.3. Tổng hợp thông tin hạn hán (nếu có)

Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
310.000	40.000	270.000					

## III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh được lấy từ các hệ thống công trình thủy lợi đủ đảm bảo tuần tới. Tuy nhiên vẫn cần sử dụng nước tiết kiệm để đảm bảo nguồn nước từ nay đến cuối vụ đông xuân.

Nhìn chung, đối với những vùng tưới không sử dụng nước từ các công trình thủy lợi, tình hình hạn hán trong vụ Đông Xuân 2017-2018 được dự báo sẽ không khắc nghiệt. Tuy nhiên do mùa khô có lượng mưa rất thấp, một số vùng xa vùng có mưa lớn (Ea Hleo, Buôn Mê Thuột) lượng mưa hiệu quả không thể đáp ứng được 100% nhu cầu nước của cây trồng, nên việc đáp ứng nhu cầu nước cho cây trồng đối với những vùng này vẫn luôn tiềm ẩn khả năng xảy ra hạn hán khi tình hình thời tiết có những diễn biến theo chiều hướng khắc nghiệt. Vì vậy đối với những vùng này cần tích trữ nước đồng thời sử dụng các biện pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, giảm tổn thất bốc hơi mặt ruộng và các công cụ lưu trữ nước khác

**Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 9/2/2018.**